



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 22

Ngày 30 tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

30/09/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 08/2021/NQ-HĐND quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (Đăng từ Công báo số 22 đến Công báo số 23)	2
------------	---	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2021/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-VHXH ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, như sau:

1. Nhà ở xa trường, khoảng cách từ nhà đến trường từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

2. Nhà ở xa trường, khoảng cách từ nhà đến trường từ 01 km trở lên đến dưới 04 km đối với học sinh tiểu học; từ 02 km trở lên đến dưới 07 km đối với học sinh trung học cơ sở; từ 05 km trở lên đến dưới 10 km đối với học sinh trung học phổ thông do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: phải qua hồ, sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có thể gây nguy hiểm, mất an toàn đối với học sinh.

3. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã, bản đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

(có Phụ lục số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 137/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, kỳ họp Chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH; Bộ Tư pháp;
Bộ Tài Chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy,
- TT HĐND; UBND; UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, MTTQVN các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Linh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01

DANH SÁCH CÁC XÃ, BẢN LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP

NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực III hoặc bản ĐBK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)		Ghi chú	CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22/Ngày 30-10-2021
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7
A	Các trường học trên địa bàn thành phố Sơn La: Gồm 42 lượt xã, 71 lượt bản					
(*)	Trường THPT Chiềng Sinh: Gồm 06 lượt xã, 06 lượt bản					
1	Huyện Bắc Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản					
I	Xá Tạ Khoa	III			Trường THPT Chiềng Sinh	
1	Bản Tân Tiến				90	
2. Huyện Mai Sơn: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản						
I	Xá Nà Ốt	III				
1	Bản Ốt Chả				50	
II	Xá Chiềng Khèo	III				
1	Bản Có Tình				20	
3. Huyện Sông Mã: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản						
I	Xá Pú Bấu	III				
1	Bản Pá Ca				141	
II	Xá Nà Nghịu	III				

1	Bán Nong Léch				98	
4. Huyện Văn Hồ: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
I	Xã Lóng Luông		III			
1	Bán Lóng Luông				180	
(*)	Trường THPT Tô Hiệu: Gồm 11 lượt xã, 12 lượt bản					
1	Huyện Thuận Châu: Gồm 03 lượt xã, 03 lượt bản					
I	Xá Bó Mười		III			Trường THPT Tô Hiệu
1	Bán Phai Khon				30	
III	Xá Bản Lằm		III			
1	Bán Buồng Khoang				35	
IV	Xá Phổng Lãng		III			
1	Bán Thái Cống				35	
2. Huyện Sốp Cộp: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
I	Xá Mường Và		III			Trường THPT Tô Hiệu
1	Bán Nghè Vèn				150	
3. Huyện Bắc Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
I	Xá Pắc Ngà		III			Trường THPT Tô Hiệu
1	Bán Lùm Thượng A				64	
4. Huyện Phù Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
V	Xá Tường Hạ		III			Trường THPT Tô Hiệu
1	Bán Dẫn				150	
5. Huyện Sông Mã: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
V	Xá Nà Nghịu		III			Trường THPT Tô Hiệu

1	Bản Nà Nghiêu				150	
6. Huyện Mộc Châu: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
VI						
1	Bản C5				250	
7. Huyện Mường La: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản						
I	Xã Chiềng Lao					
1	Bản Xu Xám				70	
2	Bản Léch				70	
8. Huyện Yên Châu: Gồm 02 lượt xã, 02 lượt bản						
I	Xã Chiềng Đông					
1	Bản Luông Mé				50	
II	Xã Chiềng On					
1	Bản Nà Đít				55	
(*) Trường THPT Chuyên Sơn La: Gồm 12 lượt xã, 14 lượt bản						
1. Huyện Mường La: Gồm 04 lượt xã, 04 lượt bản						
I	Thị trấn Ít Ong, Mường La				Trường THPT Chuyên Sơn La	
1	Bản Nà Nong				55	
II	Xã Chiềng Hoa					
1	Bản Mường Pía				50	Bản cũ Bản Pía
III	Xã Chiềng Lao					
1	Bản Phiêng Cại				50	
IV	Xã Ngọc Chiến					
1	Bản Đông Xuông				100	

2. Huyện Thuận Châu: gồm 03 lượt xã, 03 lượt bản							
I	Xã Phổng Lãng	III					
1	Bản Còng				42		
II	Xã Chiềng Bôm	III					
1	Bản Khem				65	Bản cũ Pá Hóc	
III	Xã Chiềng Pha	III					
1	Bản Ta Khoang				55	Bản cũ Nà Ta	
3. Huyện Sốp Cộp: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản							
I	Xã Púng Bính	III					
1	Bản Khá Nghiu				150	Bản cũ Bản Khá	
4. Huyện Yên Châu: Gồm 02 lượt xã, 04 lượt bản							
I	Xã Chiềng Đông	III					
1	Bản Luông Mé				60		
2	Bản Đông Tấu	III			50		
II	Xã Phiêng Khoài	III					
1	Bản Quỳnh Liên				45		
2	Bản Kim Chung 1				70		
5. Huyện Phù Yên: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản							
I	Xã Mường Bang	III					
1	Bản Chùng				170		
6. Huyện Sông Mã: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản							
I	Xã Nà Nghiu	III					
1	Bản Nà Hìn				120		

(*) Trường THCS & THPT Nguyễn Du: Gồm 12 lượt xã, 38 lượt bản					
1. Huyện Thuận Châu: Gồm 09 lượt xã, 31 lượt bản				Trường THCS& THPT Nguyễn Du	
I	Xã Chiềng Pắc	III			
1	Bản Chiềng Pắc			20	
II	Xã Muối Nội	III		13	
1	Bản Muối Nội			14	
2	Bản Thán Sàng			17	
3	Bản Muối Nội A			10	
4	Bản Ngưỡng			16	
5	Bản Sảng Sang			12	
6	Bản Bó			10	
III	Xã Bon Phặng	III			
1	Bản Tát			16	
2	Bản Nong Ô			16	
3	Bản Lầy			15	
4	Bản Bon			25	
IV	Xã Bản Lắm	III			
1	Bản Hiềm			30	
2	Bản Lắm			20	
3	Bản Bướng Khoang			20	
4	Bản Pùa			18	
5	Bản Hua Lành			20	

2	Bản Nà Há				60	
3	Bản Nà Mện				50	
4	Bản Xê				45	
3. Huyện Mai Sơn: Gồm 01 lượt xã, 02 lượt bản						
I	Xá Chiềng Nơi	III				
1	Bản Nhung Dưới				56	
2	Bản Sài Khao				15	
4. Huyện Quỳnh Nhai: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
I	Xã Mường Sại	III				
1	Bản Búa Bon				56	
(*) Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
1. Huyện Mai Sơn: Gồm 01 lượt xã, 01 lượt bản						
I	Xá Chiềng Kheo	III			Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An	
1	Bản Nà Viên				50	
B. Các trường học trên địa bàn huyện Mai Sơn: Gồm 19 lượt xã, 390 lượt bản						
I	Xá Chiềng Nơi	III	Trường TH Chiềng Nơi	Trường PTDTBT THCS Chiềng Nơi	Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Huổi Do		4	13	103	
2	Bản Phiêng Thẩm		5	15	105	
3	Bản Pá Hóc		10	9	65	
4	Bản Hua Pư		25	24	114	
5	Bản Phé			11	65	
6	Bản Cho Cong (bản Cho Coong)			10	69	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481

7	Bản Co Hình				10	96		
8	Bản Bảng Ban				7	97		
9	Bản Sài Khao				11	101		
10	Bản Huối Sàng				10	100		
11	Bản Phiêng Khôm				16	106		
12	Bản Nà Phằng (bản Nà Phằng)				17	108	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	
13	Bản Huối Lấp		20		22	112		
14	Bản Nhung Trên					91		
15	Bản Nhung Dưới					90		
				Trưởng PTDT bán trú TH- THCS Phiêng Cầm (Tiểu học)	Trưởng PTDT bán trú TH- THCS Phiêng Cầm (THCS)	Trưởng THPT Chu Văn Thịnh		
16	Bản Huối Do					73		
17	Bản Phiêng Thẩm					75		
18	Bản Pá Hóc		30		30	35		
19	Bản Hua Pư					84		
20	Bản Phé					43		
21	Bản Cho Cong (bản Cho Coong)					39	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	
22	Bản Co Hình				12	66		
23	Bản Bảng Ban					66		
24	Bản Sài Khao					71		
25	Bản Huối Sàng					70		
26	Bản Phiêng Khôm					76		
27	Bản Nà Phằng (bản Nà Phằng)					78	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	

28	Bản Huối Lập				82	
29	Bản Nhụng Trên				61	
30	Bản Nhụng Dưới		21		60	
					Trường THPT Cò Nòi	
31	Bản Huối Do				85	
32	Bản Phiêng Thẩm				87	
33	Bản Pá Hóc				75	
34	Bản Hua Pư				99	
35	Bản Phé				50	
36	Bản Cho Cong (bản Cho Coong)				51	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481
37	Bản Co Hinh				78	
38	Bản Bàng Ban				79	
39	Bản Sài Khao				83	
40	Bản Huối Sàng				82	
41	Bản Phiêng Khôm				88	
42	Bản Nà Phằng (bản Nà Phằng)				90	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481
43	Bản Huối Lập				94	
44	Bản Nhụng Trên				79	
45	Bản Nhụng Dưới				78	
II	Xã Chiềng Ve	III		Trường TH-THCS Chiềng Ve	Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Púng			10	37	
2	Bản Vuông Mè				32	
3	Bản Sươn Mè				30	

4	Bản Khiêng			8	21	Khu Đông Bai về TH-THCS Chiềng Ve
5	Bản Thăm			10	26	
				Trưởng TH - THCS Chiềng Kheo		
6	Bản Púng (khu Púng Mùa)			8		Khu Púng Mùa của bản Púng
					Trưởng THPT Chu Văn Thịnh	
7	Bản Púng				12	
8	Bản Vuông Mè				15	
9	Bản Sươn Mè				16	
10	Bản Khiềng				19	
11	Bản Thăm				21	
					Trưởng THPT Cò Nòi	
12	Bản Púng				47	
13	Bản Vuông Mè				43	
14	Bản Sươn Mè				42	
15	Bản Khiềng				36	
16	Bản Thăm				41	
III	Xá Nà Ót	III	Trưởng PTDBT TH-THCS Nà Ót	Trưởng PTDBT TH-THCS Nà Ót	Trưởng THPT Mai Sơn	
1	Bản Lụng Cường		20	20	76	
2	Bản Trăm Hìn		13	16	42	
3	Bản Xà Vịt			10	66	
4	Bản Nà Un		14	14	70	
5	Bản Ót Chả		7	7	49	13

6	Bản Pá Sung		18	18	50	
7	Bản Lô Dên		8	8	52	
8	Bản Xà Kìa		4		48	
9	Bản Há Sét		8		50	
10	Bản Nặm Lanh		5		49	
11	Bản Nà Hạ				47	
					Trưởng THPT Chu Văn Thịnh	
12	Bản Lũng Cường				46	
13	Bản Trăm Hìn				14	
14	Bản Xà Vịt				37	
15	Bản Nà Un				40	
16	Bản Ốt Chả				20	
17	Bản Pá Sung				21	
18	Bản Lô Dên				22	
19	Bản Xà Kìa				19	
20	Bản Há Sét				28	
21	Bản Nặm Lanh				21	
22	Bản Nà Hạ				19	
					Trưởng THPT Cò Nòi	
23	Bản Lũng Cường				50	
24	Bản Trăm Hìn				48	
25	Bản Xà Vịt				43	

26	Bản Nà Un					33			
27	Bản Ốt Chả					34			
28	Bản Pá Sung					46			
29	Bản Lọ Dên					32			
30	Bản Xà Kìa					37			
31	Bản Há Sét					36			
32	Bản Nặm Lanh					45			
33	Bản Nà Hạ					37			
IV	Xã Chiềng Kheo	III	Trường TH - THCS Chiềng Kheo (điểm trường Có Tình)	Trường TH - THCS Chiềng Kheo	Trường THPT Mai Sơn				
1	Bản Páng Sắng (bản Páng Sắng B)		9	10	44		Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481		
2	Bản Buốt Vắn		7	8	38		HS cấp TH do Điểm trường ít HS và Điểm trường Có Tình (Trung tâm) để học		
3	Bản Nà Viên		8	9	36		HS cấp TH do Điểm trường ít HS và Điểm trường Có Tình (Trung tâm) để học		
4	Bản Lon Kéo				31				
5	Bản Có Tình				35				
					Trưởng THPT Chu Văn Thịnh				
6	Bản Buốt Vắn				13				
7	Bản Nà Viên				11				
8	Bản Páng Sắng (bản Páng Sắng B)				15		Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481		
					Trưởng THPT Cò Nòi				
9	Bản Lon Kéo				47				
10	Bản Có Tình				51				15

CÔNG BÁO SỐ 12/NL/CS 22/ Ngày 30-10-2021

11	Bản Buốt Văn					50			
12	Bản Nà Viên					49			
13	Bản Páng Sảng (bản Páng Sảng B)					54		Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	
V	Xả Tà Hộc	III	Trường TH-THCS Tà Hộc	Trường TH - THCS Tà Hộc	Trường THPT Mai Sơn				
1	Bản Hộc		8	8	30			Xóm Châu (bản Hộc)	
2	Bản Mòng		7	7	25				
3	Bản Bơ		20	20	42				
4	Bản Pơ		11	11	34				
5	Bản Mường		16	16	38				
6	Bản Pá Nó		10	10	35				
7	Bản Pá Hóc		17	17	40				
8	Bản Pù Tền		14	14	32				
					Trường THPT Chu Văn Thịnh				
9	Bản Hộc				60				
10	Bản Mòng				55				
11	Bản Pá Nó				72				
12	Bản Mường				64				
13	Bản Bơ				68				
14	Bản Pơ				64				
15	Bản Pù Tền				62				
16	Bản Pá Hóc				70				
					Trường THPT Cò Nòi				

17	Bản Học					40	
18	Bản Mòng					35	
19	Bản Pá Nó					45	
20	Bản Mường					48	
21	Bản Bơ					52	
22	Bản Pon					44	
23	Bản Pù Tền					42	
24	Bản Pá Hóc					50	
VI	Xã Chiềng Lương	III	Trường TH - THCS Chiềng Lương	Trường TH - THCS Chiềng Lương	Trường THPT Mai Sơn		
1	Bản Phiêng Nội			10		32	
2	Bản Kéo Lồm			8		30	
3	Bản Thẳm Phẳng		10	10		32	Học tại khu THCS
4	Bản Búa Bon		8	8		30	Học tại khu THCS
5	Bản Buôm Khoang			8		30	
6	Bản Nà Rằm			13		35	
7	Bản Mòn 1					17	
8	Bản Mòn 2					19	
9	Bản Lạn Quỳnh					29	
10	Bản Lũng Tra			7		31	
11	Bản Ý Lường					25	
12	Bản Phú Lương					25	
13	Bản Chi 1					25	
14	Bản Chi 2					27	

15	Bản Pó In						22		
16	Bản Oi						25		
17	Bản Lù						28		
18	Bản Mật Sàng						18		
19	Bản Tàng						27		
							Trưởng THPT Chu Văn Thịnh		
20	Bản Mật Sàng						48		
21	Bản Mòn 1						47		
22	Bản Mòn 2						49		
23	Bản Ý Lường						55		
24	Bản Oi						55		
25	Bản Lù						58		
26	Bản Chi 1						55		
27	Bản Chi 2						57		
28	Bản Pó In						52		
29	Bản Lạn Quỳnh						59		
30	Bản Phú Lương						54		
31	Bản Tàng						57		
32	Bản Lụng Tra						61		
33	Bản Buồm Khoang						60		
34	Bản Thảm Phẳng						62		
35	Bản Búa Bon						60		

			Trưởng PTDT bán trú TH-THCS Phiêng Cầm (Tiểu học)	Trưởng PTDT bán trú TH-THCS Phiêng Cầm (THCS)	Trưởng THPT Cò Nòi		
47	Bản Nong Tàu Thái (bản Nong Tàu Thái)				61	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	
48	Bản Nong Tàu Mông (bản Nong Tàu Mông)				59	Tên bản khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481	
49	Bản Nậm Pút				57		
50	Bản Long Hỏm			8	68		
51	Bản An Mạ			12	72		
52	Bản Bon Trỏ			14	74		
53	Bản Thẳm Hưn			17	77		
54	Bản Huổi Thùng			23	83		
55	Bản Co Muông		23	23	83		
56	Bản Long Nghiu		22	22	80		
57	Bản Tang Lương			20	80		
58	Bản Huổi Thươn			20	80		
59	Bản Pú Tậu		14	14	74		
60	Bản Hua Nà			11	71		
61	Bản Phiêng Mụ			8	68		
62	Bản Huổi Nhả Thái			7	65		
63	Bản Cù		8	8	68		
64	Bản Xà Nghè				55		
65	Bản Nong Nghè				59		
66	Bản Huổi Nhả				56		
67	Bản Phiêng Phụ				63		

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22/Ngày 30-10-2021

68	Bản Xà Liệt		5	10	67		
69	Bản La Va			15	62		
VIII	Xã Chiềng Dong	III	Trường TH-THCS Chiềng Dong	Trường TH-THCS Chiềng Dong	Trường THPT Mai Sơn		
1	Bản Pắc Ngần		10	10	44	HS ăn ở bán trú	
2	Bản Pha Đin		10	10	42	HS ăn ở bán trú	
3	Bản Liềng				43		
4	Bản Nà Khoang				40		
5	Bản Lò Um				39		
6	Bản Dè				37		
7	Bản Khoáng Biên				35		
8	Bản Nghiu Cọ				33		
					Trường THPT Chu Văn Thịnh		
9	Bản Nà Khoang				14		
10	Bản Dè				15		
11	Bản Lò Um				12		
12	Bản Liềng				14		
13	Bản Khoáng Biên				10		
14	Bản Pắc Ngần				14		
15	Bản Pha Đin				13		
					Trường THPT Cò Nòi		
16	Bản Nghiu Cọ				43		
17	Bản Dè				47		23

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22/Ngày 30-10-2021

18	Bản Nà Khoang					50		
19	Bản Lò Um					49		
20	Bản Liềng					54		
21	Bản Khoáng Biên					45		
22	Bản Pặc Ngần					54		
23	Bản Pha Đin					52		
IX	Xã Chiềng Chung	II	Trường TH - THCS Chiềng Chung	Trường TH - THCS Chiềng Chung	Trường THPT Chu Văn Thịnh			
1	Bản Ít Hò	ĐBKK	9	9	20			
2	Bản Xam Ta	ĐBKK	8,5	8,5	19			
3	Bản Tường Chung	ĐBKK			15			
					Trường THPT Mai Sơn			
4	Bản Ít Hò	ĐBKK			50			
5	Bản Xam Ta	ĐBKK			49			
6	Bản Tường Chung	ĐBKK			45			
					Trường THPT Cò Nòi			
7	Bản Ít Hò	ĐBKK			60			
8	Bản Xam Ta	ĐBKK			59			
9	Bản Tường Chung	ĐBKK			55			
X	Xã Chiềng Mung	I			Trường THPT Mai Sơn			
1	Bản Lo	ĐBKK			23			
					Trường THPT Chu Văn Thịnh			
2	Bản Lo	ĐBKK			10			

								Trường THPT Cồ Nôi			
3	Bán Lo		ĐBKK					33			
XI	Xã Cồ Nôi		I					Trường THPT Mai Sơn			
1	Bán Nong Mòm (bán Nong Môn)		ĐBKK					20	Tên bán khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481		số 2481
								Trường THPT Chu Văn Thịnh			
2	Bán Nong Mòm (bán Nong Môn)		ĐBKK					45	Tên bán khác nhau giữa QĐ số 612 và QĐ số 2481		SỐ 2481
XII	Xã Nà Bó		I					Trường THPT Mai Sơn			
1	Bán Kéo Bó		ĐBKK					25			
								Trường THPT Chu Văn Thịnh			
2	Bán Kéo Bó		ĐBKK					55			
								Trường THPT Cồ Nôi			
3	Bán Kéo Bó		ĐBKK					25			
XIII	Xã Mường Bằng		I					Trường THPT Mai Sơn			
1	Bán Quỳnh Châu		ĐBKK					15			
								Trường THPT Chu Văn Thịnh			
2	Bán Quỳnh Châu		ĐBKK					30			
								Trường THPT Cồ Nôi			
3	Bán Quỳnh Châu		ĐBKK					27			
XIV	Xã Chiềng Chăn		I				Trường TH-THCS Chiềng Sung	Trường THPT Mai Sơn			
1	Bán Yên Bình		ĐBKK				7	18			
2	Bán Tong Tái B		ĐBKK					25			25

3	Bản Nậm Luông	ĐBKK			28	
					Trường THPT Chu Văn Thỉnh	
4	Bản Yên Bình	ĐBKK			40	
5	Bản Tong Tái B	ĐBKK			45	
6	Bản Nậm Luông	ĐBKK			48	
					Trường THPT Cò Nòi	
7	Bản Yên Bình	ĐBKK			28	
8	Bản Tong Tái B	ĐBKK			35	
9	Bản Nậm Luông	ĐBKK			38	
XV	Chiềng Mai	III	Trường TH-THCS Chiềng Mai		Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Còi Quỳnh		5		35	
2	Bản Pòn		5		35	
3	Bản Cúp				33	
4	Bản Vặt Bon				36	
5	Tiểu khu Ngã ba				38	
6	Bản Ban				34	
7	Bản Mé Mận				40	
8	Bản Cuộm Sơn				35	
9	Bản Co Sáu				37	
10	Bản Dăm Hoa				35	
11	Bản Puồn Vạy				40	
					Trường THPT Chu Văn Thỉnh	

10	Bản Kết Nà					40	
11	Bản Nà Nhụng					42	
12	Bản Bản Pén					45	
13	Bản Phiêng Khang					43	
14	Bản Ta Vát		4			47	
15	Bản Nà Hiên					51	
16	Bản Vít					58	
17	Bản Ta Lúc					52	
18	Bản Thân					55	
19	Bản Đen					61	
		III	Trưởng PTDTBT TH-THCS Phiêng Păn (Tiểu học)	Trưởng PTDTBT TH- THCS Phiêng Păn (THCS)	Trưởng THPT Chu Văn Thịnh		
20	Bản Pá Nó		8	8		40	
21	Bản Co Hây		7	7		39	
22	Bản Pá Liêng					37	
23	Bản Kết Hây					33	
24	Bản Xá Cánh		7	7		39	
25	Bản Pá Ban					35	
26	Bản Pá Po					34	
27	Bản Nà Pồng		5			37	
28	Bản Pá Tong		4			36	
29	Bản Kết Nà		7	7		39	
30	Bản Nà Nhụng		10	10		43	

6	Bản Suối Nậu				26		
VI	Xã Chiềng Yên	III	Trường TH & THCS Chiềng Yên	Trường TH&THCS Chiềng Yên	Trường THPT Vân Hồ		
1	Bản Bồng Hà		7	7	35	Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Piềng Chà		10	10	39	Học tại khu tiểu học, THCS	
3	Bản Suối Mực		8	8	35	Học tại khu tiểu học, THCS	
4	Bản Leo		8	8	43	Học tại khu tiểu học, THCS	
5	Bản Nà Bai		10	10	30	Học tại khu tiểu học, THCS	
6	Bản Cò Bá		6		36	Học tại khu tiểu học	
7	Bản Bướn		10	10	35	Học tại khu tiểu học, THCS	
8	Bản Phụ Mẫu		5		30	Học tại khu tiểu học	
9	Bản Pá Pụa		10	10	37	Học tại khu tiểu học, THCS	
10	Bản Phà Lè				33		
11	Bản Niên				32		
VII	Xá Mường Tè	III	Trường TH & THCS Mường Tè	Trường TH & THCS Mường Tè	Trường THPT Mộc Hạ		
1	Bản Hình		8	8	26	Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Pơ Tào		6,5		25	Học tại khu tiểu học	
3	Bản Pù Hiềng		6		25	Học tại khu tiểu học	
4	Bản Hào		7	7	13	Học tại khu tiểu học, THCS	
5	Bản Háng		4,5		14	Học tại khu tiểu học	
6	Bản Nhúng				18		
7	Bản Chiềng Ban				20		
8	Bản Mường Tè				16		

VIII	Xã Song Khùa	III	Trường tiểu học Song Khùa	Trường TH & THCS Song Khùa	Trường THPT Mộc Hạ	
1	Bản Song Hưng		4		18	Học tại khu tiểu học
2	Bản Co Hó		4		16	Học tại khu tiểu học
3	Bản Suối Sáu		5		19	Học tại khu tiểu học
4	Bản Un		7	7	18	Học tại khu tiểu học, THCS
5	Bản Tầm Phế				18	
6	Bản Tàu Dầu				16	
7	Bản Lóng Khùa				14	
8	Bản Tà Lạc				14	
9	Bản Co Súc				12	
IX	Xã Chiềng Xuآن	III	Trường TH&THCS Chiềng Xuآن	Trường TH&THCS Chiềng Xuآن	Trường THPT Vân Hồ	
1	Bản Tân Thành		7	7	38	Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Nặm Dên		8	8	38	Học tại khu tiểu học, THCS
3	Bản Nà Sàng		10	10	45	Học tại khu tiểu học, THCS
4	Bản Suối Quanh				33	
5	Bản Dúp Kén				36	
6	Bản Sa Lai				36	
7	Bản Khò Hồng				31	
X	Xã Suối Bàng	III	Trường TH&THCS Suối Bàng	Trường TH&THCS Suối Bàng	Trường THPT Mộc Hạ	
1	Bản Suối Khẩu		10	10	15	Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Bó		8	8	15	Học tại khu tiểu học, THCS
3	Bản Chiềng Đa		4	10	15	Học tại khu tiểu học, THCS

4	Bản Ám			8	15	Học tại khu THCS	
5	Bản Pura Lai			7	15	Học tại khu THCS	
6	Bản Châu Phong		4		15	Học tại khu tiểu học	
7	Bản Sỏi		4		15	Học tại khu tiểu học	
8	Bản Pa Đì		5		15	Học tại khu tiểu học	
9	Bản Nà Lồi				15		
10	Bản Khoang Tuổng				18		
XI	Xã Quang Minh	III	Trường TH & THCS Quang Minh	Trường TH & THCS Quang Minh	Trường THPT Mộc Hạ		
1	Bản Coong		12	12	36	Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Lòm		7	7	31	Học tại khu tiểu học, THCS	
3	Bản To Ngùi		4		28	Học tại khu tiểu học	
4	Bản Bó				22		
5	Bản Nà Bai				24		
XII	Xã Xuân Nha	III	Trường TH & THCS Xuân Nha	Trường TH & THCS Xuân Nha	Trường THPT Vân Hồ		
1	Bản Pù Lầu		5	6	30	Học tại khu TH, THCS	
2	Bản Chiềng Hin		6		25	Học tại khu tiểu học	
3	Bản Chiềng Nua		5		29	Học tại khu tiểu học	
4	Bản Mường An		13	12	18	Học tại khu TH, THCS	
5	Bản Nà An		11	10	17	Học tại khu TH, THCS	
6	Bản Thín		4		23	Học tại khu tiểu học	
7	Bản Tun				23		
8	Bản Nà Hiềng				23		

XIII	Xã Tân Xuân	III	Trưởng TH & THCS Tân Xuân	Trưởng TH & THCS Tân Xuân	Trưởng THPT Vân Hồ		
1	Bản Sa Lai			17	50	Học tại khu THCS	
2	Bản Cột Mốc			14	47	Học tại khu THCS	
3	Bản Đông Tà Lào		5	10	35	HS học tại điểm trường bản Thẩm Tồn	
4	Bản Láy		5	7	40	HS A Lang đồn về Bản Láy	
5	Bản Tây Tà Lào				37		
6	Bản Bướn				35		
7	Bản Ngà				37		
8	Bản Thẩm Tồn				30		
9	Bản Bún				38		
XIV	Xã Tô Múa	III	Trưởng TH & THCS Tô Múa	Trưởng TH & THCS Tô Múa	Trưởng THPT Mộc Hạ		
1	Bản Đá Mai			8		Học tại khu THCS	
2	Bản Bó Mòng		8	9		Học tại khu TH, THCS	
3	Bản Khăm		7	7		Học tại khu TH, THCS	
4	Bản Suối Liếm		4			Học tại khu TH	
5	Bản Lắc Mừng			7		Học tại khu THCS	
6	Bản Cho Đáy		5				
D. Các trường học trên địa bàn huyện Phù Yên: Gồm 24 lượt xã, 300 lượt bản							
I	Xã Quang Huy	I					
					Trưởng THPT Phù Yên		
1	Bản Suối Ngang	Bản ĐBK			12		
2	Bản Suối Ó	Bản ĐBK			12		35

3	Bản Suối Gióng	Bản ĐBK			14	
					Trường THPT Gia Phù	
4	Bản Suối Ngang	Bản ĐBK			37	
II	Xã Huy Bắc	I				
					Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Sáy Tú	Bản ĐBK			11	
III	Xã Huy Tân	II	Trường Tiểu học và THCS Huy Tân			
1	Bản Suối Cù	Bản ĐBK	7	7		
					Trường THPT Phù Yên	
2	Bản Suối Cù	Bản ĐBK			12	
3	Bản Suối Ngang (xã Quang Huy)	Bản ĐBK		17		Học tại khu THCS
4	Bản Suối Ó (xã Quang Huy)	Bản ĐBK		12		Học tại khu THCS
5	Bản Suối Gióng (xã Quang Huy)	Bản ĐBK		14		Học tại khu THCS
IV	Xã Huy Thượng	II	Trường Tiểu học và THCS Huy Thượng			
1	Bản Núi Hồng	Bản ĐBK	7	7		Học tại khu tiểu học, THCS
					Trường THPT Phù Yên	
2	Bản Núi Hồng	Bản ĐBK			13	
					Trường THPT Tân Lang	
3	Bản Núi Hồng	Bản ĐBK			15	
4	Bản Suối Ngang (xã Quang Huy)	Bản ĐBK		15		Học tại khu THCS
5	Bản Suối Ó (xã Quang Huy)	Bản ĐBK		12		Học tại khu THCS

6	Bản Suối Giồng (xã Quang Huy)	Bản ĐBKK		15		Học tại khu THCS	
V	Xã Huy Tường	III	Trường Tiểu học và THCS Huy Tường	Trường Tiểu học và THCS Huy Tường			
1	Bản Suối Pài		25	25		Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Suối Nhúng		11	11		Học tại khu tiểu học, THCS	
					Trường THPT Phù Yên		
3	Bản Suối Pài				33		
4	Bản Suối Nhúng				19		
5	Bản Noong Pùng				11		
					Trường THPT Tân Lang		
6	Bản Suối Pài				50		
7	Bản Suối Nhúng				36		
8	Bản Noong Pùng				28		
VI	Xã Tường Hạ	III					
					Trường THPT Tân Lang		
1	Bản Liên Hợp				37		
2	Bản Cóc 1				38		
3	Bản Cóc 2				39		
					Trường THPT Gia Phù		
4	Bản Liên Hợp				11		
					Trường THPT Phù Yên		
5	Bản Liên Hợp				20		
VII	Xã Tường Tiến	III	Trường Tiểu học và THCS Tường Tiến	Trường Tiểu học và THCS Tường Tiến			37

1	Bản Cột Móc		4	12	Trưởng THPT Gia Phù	Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Cột Móc				20	
3	Bản Nà Pục				25	
4	Bản Thín				16	
5	Bản Tật				20	
6	Bản Pa				26	
					Trưởng THPT Phù Yên	
7	Bản Cột Móc				24	
8	Bản Nà Pục				15	
9	Bản Thín				20	
10	Bản Tật				24	
11	Bản Pa				16	
VIII	Xã Tường Phong	III	Trưởng Tiểu học và THCS Tường Phong	Trưởng Tiểu học và THCS Tường Phong		
1	Bản Bèo		10	10		Học tại khu tiểu học, THCS
2	Bản Suối Lóm		4,5			Học tại khu TH
3	Bản Suối Tre		4,5			Học tại khu tiểu học
					Trưởng THPT Tân Lang	
4	Bản Suối Tre				47	
					Trưởng THPT Phù Yên	
5	Bản Bèo				36	
6	Bản Suối Lóm				32	

7	Bản Suối Tre					26		
8	Bản Hạ Lương					22		
9	Bản Tân Đà					33		
						Trường THPT Gia Phù		
10	Bản Bèo					39		
11	Bản Suối Lóm					36		
12	Bản Suối Tre					30		
13	Bản Hạ Lương					25		
14	Bản Tân Đà					23		
IX	Xã Tân Phong	II				Trường THPT Phù Yên		
1	Bản Mùng	Bản ĐBKk				35		
2	Bản Đồng Mã	Bản ĐBKk				45		
3	Bản Bồng	Bản ĐBKk				48		
						Trường THPT Gia Phù		
4	Bản Mùng	Bản ĐBKk				25		
5	Bản Đồng Mã	Bản ĐBKk				48		
6	Bản Bồng	Bản ĐBKk				51		
X	Xã Nam Phong	III	Trường Tiểu học và THCS Nam Phong	Trường Tiểu học và THCS Nam Phong				
1	Bản Suối Vé		8				Học tại khu THCS	
2	Bản Suối Lúa		7				Học tại khu THCS	
3	Bản Pín		12				Học tại khu THCS	39

												CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22/Ngày 30-10-2021									
6	Bản Bài Con											51									
7	Bản Đá Phở											52									
8	Bản Bura Đa											57									
9	Bản Bó Vá											58									
10	Bản Bắc Bản											62									
												Trường THPT Gia Phù									
11	Bản Bó Mý											37									
12	Bản Bài Con											41									
13	Bản Đá Phở											42									
14	Bản Bura Đa											47									
15	Bản Bó Vá											48									
16	Bản Bắc Bản											52									
XII	Xã Đá Đỏ	III										Trường Tiểu học và THCS Đá Đỏ									
1	Bản Tang Lang											15					Học tại khu tiểu học, THCS				
2	Bản Cửa Sập											7					Học tại khu tiểu học, THCS				
3	Bản Suối Tiều											15					Học tại khu tiểu học, THCS				
4	Bản Hợp Bông											8					Học tại khu THCS				
5	Bản Bài Vàng											5					Học tại khu tiểu học				
																	Trường THPT Phù Yên				
6	Bản Bài Sai																85				
7	Bản Vàng																83				
8	Bản Suối Tiều																51				4

9	Bản Cửa Sập					60		
10	Bản Hợp Bông					90		
11	Bản Đá Đỏ					79		
12	Bản Tang Lang					68		
						Trường THPT Gia Phù		
13	Bản Bãi Sại					75		
14	Bản Vàng					73		
15	Bản Suối Tiểu					41		
16	Bản Cửa Sập					80		
17	Bản Hợp Bông					67		
18	Bản Tang Lang					58		
19	Bản Đá Đỏ					69		
						Trường THPT Tân Lang		
20	Bản Suối Tiểu					65		
XIII	Xá Sập Xa	III	Trường Tiểu học và THCS Sập Xa	Trường Tiểu học và THCS Sập Xa				
1	Bản Giảng		8	8			Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Pun		7	7			Học tại khu tiểu học, THCS	
3	Bản Phiêng Lương		5	5			Học tại khu tiểu học	
						Trường THPT Gia Phù		
4	Bản Giảng					35		
5	Bản Pun					21		
6	Bản Phiêng Lương					37		

7	Bản Xa						29		
8	Bản Nà Lạ						27		
							Trường THPT Phù Yên		
9	Bản Giàng						35		
10	Bản Pùn						31		
11	Bản Phiêng Lương						41		
12	Bản Xa						39		
13	Bản Nà Lạ						37		
XIV	Xã Kim Bôn	III	Trường TH và THCS Kim Bôn	Trường TH và THCS Kim Bôn					
1	Bản Suối Kénh		7	7				Học tại khu tiểu học, THCS	
2	Bản Suối On		10	10				Học tại khu tiểu học, THCS	
3	Bản Trung Thành		8	8				Học tại khu tiểu học, THCS	
4	Bản Suối Lệt		18	18				Học tại khu tiểu học, THCS	
5	Bản Kim Bôn		7	7				Học tại khu tiểu học, THCS	
							Trường THPT Phù Yên		
6	Bản Suối Kénh						43		
7	Bản Suối On						55		
8	Bản Trung Thành						51		
9	Bản Suối Lệt						60		
10	Bản Suối Bương						35		
11	Bản Suối Pa						37		
12	Bản Kim Bôn						40		
13	Bản Suối Vạch						37		

[illegible]

10	Bản Suối Ó (xã Quang Huy)	BĐBKK		14		Học tại khu THCS	
11	Bản Suối Gióng (xã Quang Huy)	BĐBKK		12		Học tại khu THCS	
			Trường Tiểu học Suối Tọ II				
12	Bản Pắc Bẹ C		4			Học tại khu tiểu học	
13	Bản Pắc Bẹ A		4			Học tại khu tiểu học	
14	Bản Pắc Bẹ B		9			Học tại khu tiểu học	
					Trường THPT Gia Phù		
15	Bản Trò				23		
16	Bản Suối Khang				28		
17	Bản Lũng Khoai				28		
18	Bản Suối Tọ				25		
19	Bản Pắc Bẹ A				15		
20	Bản Pắc Bẹ B				17		
21	Bản Pắc Bẹ C				19		
22	Bản Suối Dinh				31		
					Trường THPT Phù Yên		
23	Bản Trò				13		
24	Bản Suối Khang				13		
25	Bản Lũng Khoai				15		
26	Bản Suối Tọ				13		
27	Bản Pắc Bẹ A				18		
28	Bản Pắc Bẹ B				20		
29	Bản Pắc Bẹ C				22		

30	Bản Suối Dinh					25			
						Trường THPT Tân Lang			
31	Bản Trờ					48			
XVII	Xã Mường Thái	III	Trường Tiểu học và THCS Mường Thái	Trường Tiểu học và THCS Mường Thái					
1	Bản Suối Quốc		5				Học tại khu tiểu học		
2	Bản Suối Tàu		8		8		Học tại khu tiểu học, THCS		
3	Bản Khoai Lang		10		10		Học tại khu tiểu học, THCS		
4	Bản Khe Lành		13		13		Học tại khu tiểu học, THCS		
5	Bản Giáp Đất		16		16		Học tại khu tiểu học, THCS		
6	Bản Suối Chiếu		7		8		Học tại khu tiểu học, THCS		
						Trường THPT Phù Yên			
7	Bản Thái					12			
8	Bản Suối Cước					10			
9	Bản Suối Chiếu					18			
10	Bản Giáp Đất					25			
11	Bản Khe Lành					20			
12	Bản Khoai Lang					27			
13	Bản Suối Tàu					19			
						Trường THPT Tân Lang			
14	Bản Giáp Đất					50			
15	Bản Khe Lành					30			
16	Bản Khoai Lang					27			

17	Bản Suối Quốc					40	
18	Bản Suối Tàu					19	
19	Bản Thái					22	
20	Bản Chiêu					25	
21	Bản Văn Phúc Yên					18	
XVIII	Xã Mường Cơi	I					
						Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Suối Bực	ĐBKK				20	
2	Bản Suối Cốc	ĐBKK				22	
						Trường THPT Tân Lang	
3	Bản Suối Bực	ĐBKK				18	
4	Bản Suối Cốc	ĐBKK				17	
XIX	Xã Tân Lang	I					
						Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Đu Lau	ĐBKK				28	
2	Bản Suối Lèo	ĐBKK				27	
XX	Xã Mường Lang	III			Trường Tiểu học và THCS Mường Lang		
1	Bản Tường Lang		8		8		
2	Bản Thượng Lang		10		10		
						Trường THPT Phù Yên	
3	Bản Nguồn					23	
4	Bản Thượng Lang					28	

[illegible]

11	Bản Suối Lồng				40	
12	Bản Bãi Lươn				33	
13	Bản Lán				40	
14	Bản Páp				41	
15	Bản Tân Kiềng				37	
					Trường THPT Tân Lang	
16	Bản Tường Han				24	
17	Bản Suối Han				23	
18	Bản Do				21	
19	Bản Suối Lồng				25	
20	Bản Bãi Lươn				20	
21	Bản Lán				14	
22	Bản Páp				12	
23	Bản Tân Kiềng				14	
					Trường THPT Gia Phù	
24	Bản Suối Han				52	
XXII	Xã Mường Bang	III	Trường Tiểu học và THCS Mường Bang	Trường Tiểu học và THCS Mường Bang		
1	Bản Chè Mè		6			Học tại khu tiểu học
2	Bản Suối Gà		10	10		Học tại khu tiểu học, THCS
3	Bản Dinh		20	20		Học tại khu tiểu học, THCS
4	Bản Lao		11	11		Học tại khu tiểu học, THCS
5	Bản Khoáng		12	12		Học tại khu tiểu học, THCS

26	Bản Suối Gà					49	
27	Bản Lao					51	
28	Bản Cái					33	
29	Bản Chùng					40	
XXIII	Xã Tường Thượng	III					
1	Bản Khoa 1					Trường THPT Phù Yên	
2	Bản Khoa 2					11	
3	Bản Chăn					12	
4	Bản Cái					14	
5	Bản Thon					11	
6	Bản Đồng La					11	
7	Bản Cha					13	
8	Bản Chướp					12	
XXIV	Xã Quý Hương, huyện Mộc Châu	II				14	
1	Bản Bền Trai	Bản ĐBKk				Trường THPT Phù Yên	
2	Bản Bền Trai	Bản ĐBKk				50	
3	Bản Đồng Giảng	Bản ĐBKk				Trường THPT Gia Phù	
E. Các trường học trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai: Gồm 07 lượt xã, 66 lượt bản							
I	Xã Chiềng Khoang					40	
						43	
						Trường THPT Quỳnh Nhai	

1	Bản Hậu	ĐBKK				15			
II	Xã Chiềng Ôn	II	Trưởng TH & THCS Chiềng Ôn	Trưởng TH & THCS Chiềng Ôn	Trưởng THPT Quỳnh Nhai		Tiểu học học khu tiêu học, THCS học khu THCS		
1	Bản Đồng Tâm	ĐBKK	6		16				
III	Xã Mường Giôn	II	Trưởng TH & THCS Lả Giôn	Trưởng TH & THCS Lả Giôn	Trưởng THPT Quỳnh Nhai		Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học, THCS học khu THCS		
1	Bản Hua Xanh	ĐBKK			35				
2	Bản Huổi Tèo	ĐBKK			42				
3	Bản Huổi Ngà	ĐBKK		14	57				
4	Bản Huổi Vắn	ĐBKK		14	64				
5	Bản Kéo Ca	ĐBKK		26	70				
				Trưởng THCS Mường Giôn	Trưởng THPT Mường Giôn				
6	Bản Hua Xanh	ĐBKK		8					
7	Bản Huổi Tèo	ĐBKK		10	10				
8	Bản Huổi Ngà	ĐBKK		27	27				
9	Bản Huổi Vắn	ĐBKK		25	25				
10	Bản Kéo Ca	ĐBKK		40	40				
IV	Xã Mường Sại	III	Trưởng TH & THCS Mường Sại	Trưởng TH & THCS Mường Sại	Trưởng THPT Quỳnh Nhai		Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học, THCS học khu THCS		
1	Bản Nhà Sáy (bản Nhà Sáy)		5,6		15				
2	Bản Pha Đảo (bản Nhà Phi, Cò Sán, Huổi Tầm cũ)		10	8,8	24				
3	Huổi Tôm (bản Tôm A, Tôm B cũ)		10	8	20				
4	Bản Ít (bản Ít A, Ít B, Ca cũ)				25				
5	Bản Ten Che (bản Ten Tre)		14,8	12,8	35				53

6	Bản Búa Bon (bản Om, Mái, Lái cũ)					25	
7	Bản Còi (bản Còi A, Còi B cũ)					25	
8	Bản Muôn (bản Muôn A, Muôn B cũ)					26	
V	Xã Chiềng Khay	III	Trường Tiểu học Chiềng Khay	Trường PTDT BT THCS Chiềng Khay	Trường THPT Quỳnh Nhai		
1	Bản Nà Mùn (bản Nậm Phung Huổi Hịa cũ)		4	14	60	Điểm trường Nà Mùn	
2	Bản Nậm Ngùa		8	8	55		
3	Bản Phiêng Bay (bản Ít Mặn, Hua Trai cũ)		7	7	55		
4	Bản Khâu Pùm		6		50		
5	Bản Co Que		5		50		
6	Bản Ít Ta Bót (bản Khoang I, II, Ít Ta Bót cũ)		4		50		
7	Bản Nậm Tấu (bản Nậm Tấu)		12	12	50		
8	Bản Lọng Ó (bản Hua Lẹ, Huổi Lóng cũ)		4,5		50		
9	Bản Có Nội				50		
10	Bản Có Luông				50		
11	Bản Có Nàng (bản Táng Luông, Có Nàng cũ)				50		
12	Bản Nong Trạng		8	8	60		
13	Bản Pá Bó (bản Thẳm Pa, Huổi Lạnh cũ)		5	12,5	60	Điểm trường TH Nà Mùn	
					Trường THPT Mường Giôn		
14	Bản Nà Mùn (bản Nậm Phung, Huổi Hịa cũ)				27		

[illegible]

9	Bản Nong					26			
10	Bản Sàng			4		28			
11	Bản Hào			6		28			
12	Bản Bó Ún			8		27			
VII	Xã Cà Nàng	III		TH&THCS Cà Nàng	TH&THCS Cà Nàng	Trường THPT Quỳnh Nhai		Tiểu học học khu trung tâm, điểm trường tiểu học, THCS học khu THCS	
1	Bản Lò Cù (HS bản Nặm Lò và Cò Cũ cũ)			10	10	70			
2	Bản Pạ Lò (Giang Lò cũ)			4	10	60			
3	Bản Pho Pha (Huổi Pho, Huổi Pha cũ)			12	12	70			
4	Bản Cà Nàng					64			
5	Bản Huổi Xuông (bản Huổi Suông)			6		60			
6	Bản Phát					65			
7	Bản Phướng					65			
8	Bản Ít Pháy (bản Ít Pháy)			9	9	70			
F. Các trường học trên địa bàn huyện Bắc Yên: Gồm 15 lượt xã, 116 lượt bản									
I	Xã Song Pe	III		Trường TH xã Song Pe	Trường THCS xã Song Pe	Trường THPT Bắc Yên			
1	Bản Suối Quốc			4,5		11			
2	Bản Chanh			7	8,5	20			
3	Bản Nguồn			17	18,5	27			
4	Bản Mong			27	28,5	37			
5	Bản Ngậm			37	38,5	42			
6	Bản Suối Song			10	11,5	22			
7	Bản Trung Sơn			23	21,5	14			

8	Bản Pe				10	Học sinh bản Pe cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	
9	Bản Pe			13		Học sinh bản Mới cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	
10	Bản Tà Đồ, xã Tạ Khoa	ĐBKK		5			
11	Bản Suối Cải, xã Chim Ván	ĐBKK		8			
II	Xã Hồng Ngài	III		Trường PTDTBT TH-THCS Hồng Ngài	Trường THPT Bắc Yên		CÔNG BÁO SON LA
1	Bản Suối Háo			5,6		17,5	
2	Bản Suối Chạn			8,4		18	
3	Bản Suối Ténh			17,1		24,7	
4	Bản Lung Tang			20		28,6	
5	Bản Đung Giàng			10,5		16	
6	Bản Hồng Ngài			5			Học sinh bản Mới cũ giáp xã Sông Pe được hưởng chính sách hỗ trợ
7	Bản Hồng Ngài			6		7	Học sinh bản Mới cũ giáp khu bản Càng Hóp xã Phiêng Ban được hưởng chính sách hỗ trợ
8	Bản Trung Sơn, xã Song Pe	ĐBKK		8		9	
9	Bản Pe, xã Song Pe	ĐBKK		8		7	
10	Bản Giàng, xã Sập Xa, huyện Phù Yên	ĐBKK		11,5		12,5	
III	Xã Tạ Khoa	III		Trường TH xã Tạ Khoa	Trường THCS xã Tạ Khoa	Trường THPT Bắc Yên	
1	Bản Nhận Nọc			4,8		36	
2	Bản Tân Tiến					32	
3	Bản Tà Đồ			18,1		22,9	57

4	Bản Sập Việt		13,8	9	46	Học sinh bản Nặm Cường cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
5	Bản Tân Cường				30		
6	Bản Tân Cường		7,2	12	31	Học sinh bản Suối Hẹ cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
7	Bản Ợ B		13	17,7	28		
8	Bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn	ĐBK		7			
IV	Xã Hua Nhàn	III	Trường PTDTBT TH Hua Nhàn	Trường PTDTBT THCS xã Hua Nhàn	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Hua Noong				57	Học sinh bản Hua Nhàn được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
2	Bản Trông Dê				58		
3	Bản Pa Khóm		13,5	15	69		
4	Bản Suối Sắt		20,5	22	83		
5	Bản Khúm Khia		15	16,5	66		
6	Bản Đèo Chẹn			16,5	41	Học sinh bản Mòn cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
7	Bản Đèo Chẹn		5	13,5	41	Học sinh bản Kéo Bó cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
8	Bản Cáy Khẻ			18,5	39	Học sinh bản Suối Chẹn cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
9	Bản Cáy Khẻ		6	13	45	Học sinh bản Khẻ A cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
10	Bản Cáy Khẻ		5,5	12,5	41	Học sinh bản Khẻ B cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	được hưởng
11	Bản Suối Thón		6	9	45		

12	Bản Hồ Sen		8	8	46	Học sinh bản Noong Lạnh cũ được chính sách hỗ trợ	hưởng
13	Bản Hồ Sen		5		48	Học sinh bản Sòng Pét cũ được chính sách hỗ trợ	hưởng
14	Bản Hua Noong		4		50	Học sinh bản Noong O A cũ được chính sách hỗ trợ	hưởng
15	Bản Pa Nó, xã Mường Khoa	Bản ĐBK	16	18			
V	Xã Chiềng Sại	III	Trưởng TH xã Chiềng Sại	Trưởng PTDTBT THCS xã Chiềng Sại	Trường THPT Bắc Yên		CÔNG BẢO SƠN LA/Số 22/
1	Bản Co Muồng		4		38		Ngày 30-10-2021
2	Bản Quế Sơn				43	Học sinh bản Lái Ngải cũ được chính sách hỗ trợ	hưởng
3	Bản Quế Sơn		4		47	Học sinh bản Môm Bò cũ được chính sách hỗ trợ	hưởng
4	Bản Suối Ngang		10	11	49,7		
5	Bản Nậm Lin (Bản Nậm Lin)		11	10	48	Nhóm dân cư Suối Trắng	
6	Bản Nậm Lin (Bản Nậm Lin)		9	8	53		
7	Bản Tăng		5		40,5		
8	Bản Nà Dòn				33		
9	Bản Ngâm, xã Song Pe	ĐBK	5				
10	Bản Pơ Nang, xã Tân Hợp, Mộc Châu	ĐBK	14				
VI	Xã Phiềng Côn	III	Trưởng TH-THCS Phiềng Côn	Trưởng TH-THCS Phiềng Côn	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Kỳ Sơn		10	10	55		
2	Bản Nhèm		8	8	53		
3	Bản Suối Trắng		11,5	11,5	56,5		59

4	Bản En					45	Học sinh bản En cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	
5	Bản En		4,5			45	Học sinh bản Tăng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	
VII	Xã Chim Vàn	III	Trường TH xã Chim Vàn	Trường THCS xã Chim Vàn	Trường THPT Bắc Yên			
1	Bản Suối Tù		6,3			23,7		
2	Bản Nà Tiến		8,7	8,7		31,5		
3	Bản Chim Thượng		9,7	9,7		33,5		
4	Bản Suối Cải		11,5	11,5		15,4		
5	Bản Cải B		19,7	19,7		22,7		
6	Bản Suối Lẹ		16,5	16,5		15,5		
7	Bản Vàn					29		
8	Bản Chim Hạ					25,5		
VIII	Xã Pắc Ngà	III	Trường TH xã Pắc Ngà	Trường THCS xã Pắc Ngà	Trường THPT Bắc Yên			
1	Bản Áng		4			56		
2	Bản Nà Sài		5			54		
3	Bản Pắc Ngà		4			57		
4	Bản Nong Cóc					54,3		
5	Bản Lùm Thượng A					61		
6	Bản Lùm Thượng B					55	Học sinh bản Lùm Thượng B cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	
7	Bản Lùm Thượng B			7		57	Học sinh bản Lùm Thượng C cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	

8	Bản Lùm Hạ		6		54,3	Học sinh bản Nà Phai cũ được chính sách hỗ trợ	hưởng
9	Bản Lùm Hạ		7,5		58,8	Học sinh bản Lùm Hạ cũ được chính sách hỗ trợ	hưởng
10	Bản Tà Íu		9		60		
11	Bản Bưóc				51,6		
IX	Xã Tà Xùa	III	Trường TH-THCS Tà Xùa	Trường TH-THCS Tà Xùa	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Tà Xùa				16,2	Học sinh Tà Xùa A cũ Khu giáp C cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	hưởng
2	Bản Tà Xùa		4		17	Học sinh bản Mống Vàng cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	hưởng
3	Bản Tà Xùa		5		19	Học sinh bản Khe Cài cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	hưởng
4	Bản Chung Trinh		5		20,2		
5	Bản Bẹ		10,7	10	11		
6	Bản Trò A		13,2	12,2	16,5		
7	Bản Phiêng Ban, xã Phiêng Ban	Bản ĐBK	5	8			
X	Xã Háng Đồng	III	Trường TH-THCS Háng Đồng	Trường TH-THCS Háng Đồng	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Háng Đồng		4,5		62,5	Các nhóm dân cư trên 4km	
2	Bản Háng Đồng C		12	13	65,5		
3	Bản Làng Sáng		18,5	19,5	72		
4	Bản Chóng Tra		9	10	73		
5	Bản Háng Bla		12,5	13,5	75		
							61

CÔNG BẮC SƠN LA/Số 22/ Ngày 30-10-2021

62		CÔNG BÁO SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ SỞ TÀI CHÍNH		A/Số 22/		Ngày 30-10-2021	
XI	Xã Làng Chếu	III	Trưởng TH xã Làng Chếu	Trưởng THCS xã Làng Chếu	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Làng Chếu		5	7	24		
2	Bản Suối Lộng		8,5	10,5	31,5		
3	Bản Páng Khúa		11	13	34		
4	Bản Cáo A		6	8	23		
5	Bản Háng Cao		4		22	Các nhóm dân cư bản Cáo B cũ được hưởng	
6	Bản Háng Cao				24	Học sinh bản Háng A cũ được hưởng chính sách hỗ trợ	
7	Bản Trang Dưa Hang				23		
8	Bản Suối Cài, xã Chim Ván	ĐBKK		18		Học sinh bản Suối Cài cũ nay là bản Suối Cài xã Chim Ván được hưởng chính sách hỗ trợ	
XII	Xã Xím Vàng	III	Trưởng PTDTBT TH-THCS Xím Vàng	Trưởng PTDTBT TH-THCS Xím Vàng	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Sông Chông		7	7	29		
2	Bản Háng Chơ		5,5		39		
3	Bản Trông Tàu		17	17	55		
4	Bản Xím Vàng				37		
XIII	Xã Hang Chú	III	Trưởng PTDTBT TH Hang Chú	Trưởng PTDTBT THCS xã Hang Chú	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Phình Hồ		7	7	47		
2	Bản Pa Cư Sáng		4		58		
3	Bản Pá Hóc		8	10,5	64,5		
4	Bản Suối Lệnh			18	75,5		

5	Bản Nậm Lộng		15,5	31	86,6		
6	Bản Hang Chú				54		
7	Bản Suối Song , xã Song Pe	ĐBKK	70				
8	Bản Tam Hạp, xã Phiêng Ban	ĐBKK	58,7				
9	Bản Nà Tiến, xã Chim Ván	ĐBKK	5	23		Học sinh bản Lệnh Tiến cũ được chính sách hỗ trợ	
XIV	Xã Mường Khoa	I	Trường TH xã Mường Khoa	Trường THCS xã Mường Khoa	Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Pa Nó	ĐBKK			42		
2	Bản Khọc B	ĐBKK			43,3		
XV	Thị trấn	I			Trường THPT Bắc Yên		
1	Bản Dào, Mường Lựm, Yên Châu	ĐBKK			103		
2	Bản Há Tầu, Long Hẹ, Thuận Châu	ĐBKK			178		
3	Bản Pắc Bẹ B, Suối Tơ, Phù Yên	ĐBKK			45		
G. Các trường học trên địa bàn huyện Sốp Cộp: Gồm 07 lượt xã, 79 lượt bản							
I	Xã Mường Lèo	III	Trường PTDTBT TH và THCS Mường Lèo	Trường PTDTBT TH và THCS Mường Lèo	Trường THPT Sốp Cộp		
1	Bản Liềng	ĐBKK			60		
2	Bản Mạt	ĐBKK	5		55		
3	Bản Huổi Làn	ĐBKK	4,5		64,5		
4	Bản Nậm Pừn	ĐBKK	10	10	70		
5	Bản Chấm Hỳ	ĐBKK	12	12	72		
6	Bản Huổi Phúc	ĐBKK	10	10	70		
7	Bản Sam Quảng	ĐBKK	12	12	72		

8	Bản Pá Khoang	ĐBKK	27	27	87	
9	Bản Nà Chòm	ĐBKK	22	22	82	
10	Bản Huổi Luông	ĐBKK	20	20	80	
11	Bản Huổi Áng	ĐBKK	12	12	72	
12	Bản Huổi Lạ	ĐBKK	18	18	78	
13	Bản Nậm Khún	ĐBKK	28	28	88	
II	Xã Sam Kha	III	Trường PTDTBT TH và THCS Sam Kha	Trường PTDTBT TH và THCS Sam Kha	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bản Huổi Sang	ĐBKK	7	7	29	
2	Bản Phá Thông	ĐBKK	7	7	42	
3	Bản Pú Sút	ĐBKK	10	10	45	
4	Bản Huổi My	ĐBKK	5	18	63	
5	Bản Nà Trĩa (HS Huổi Phô + Hín Chá)	ĐBKK	4	14	59	
6	Bản Nậm Tia	ĐBKK	4		26	
7	Bản Sam Kha	ĐBKK	5		40	
8	Bản Ten Lán	ĐBKK		9	43	
9	Bản Púng Báng	ĐBKK			35	
III	Xã Púng Báng	III	Trường Tiểu học Púng Báng	Trường THCS Púng Báng	Trường THPT Sốp Cộp	
1	Bản Huổi Cốp	ĐBKK	6	9	25	
2	Bản Púng Cườm	ĐBKK	6	11	27	
3	Bản Phá Thông	ĐBKK	7	12	38	
4	Bản Liên Ban (HS Nà Liên + Phiêng Ban)	ĐBKK	4	10	26	

[illegible]

1	Bản Huối Pót	ĐBKK	7	7	14	
2	Bản Pá Khoang	ĐBKK	12	12	19	
3	Bản Pá Vai	ĐBKK	21	21	28	
4	Bản Co Đứa	ĐBKK			13	
5	Bản Nà Nghè Vèn (HS Huối Vèn)	ĐBKK			13	
			Trường PTDTBT TH và THCS Nà Khoang			
6	Bản Huối Ca	ĐBKK	4,5	7	14	
				Trường PTDTBT TH và THCS Nà Khoang		
7	Bản Huối Dương	ĐBKK	9	15	21	
8	Bản Huối Niếng	ĐBKK	5	10	17	
9	Bản Púng Bàng	ĐBKK	8	20	20	
10	Bản Phá Thông	ĐBKK	22	26	34	
11	Bản Nà Cang	ĐBKK	4	7	14	
12	Bản Lọng Ôn	ĐBKK	4	9	16,5	
13	Bản Tặc Tè	ĐBKK	4		20	
14	Bản Huối Lầu	ĐBKK		11	18,8	
15	Bản Nà Lừa	ĐBKK			14	
16	Bản Nà Khoang	ĐBKK			16	
17	Bản Nà Môn	ĐBKK			17,5	
18	Bản Cáp Vèn (Hin Cáp + Nà Vèn)	ĐBKK			12	
VII	Xá Mường Lạn	III	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Lạn	Trường PTDTBT THCS Mường Lạn	Trường THPT Sốp Cộp	

1	Bản Nong Phụ	ĐBKK	11	12	31	
2	Bản Nậm Lạn	ĐBKK	16	17	40	
3	Bản Co Muông	ĐBKK	8	9	30	
4	Điểm dân cư Co Hạ	ĐBKK	6	7	22	
5	Bản Huổi Men	ĐBKK	6	11	39	
6	Bản Huổi Pá	ĐBKK	6	11	39	
7	Bản Nà Vạc	ĐBKK	4	9	38	
8	Bản Pá Kạch	ĐBKK	5,5	11	39	
9	Điểm dân cư Huổi Khi	ĐBKK	4	9,5	37,5	
10	Bản Cang Cỏi	ĐBKK	5		30	
11	Bản Khá	ĐBKK	4		24	
12	Bản Pu Hao (HSTH cụm trên)	ĐBKK	5	10	38	
13	Bản Cống (HS THCS cụm Nam Khong)	ĐBKK		10	38	
14	Bản Huổi Lè	ĐBKK		9	37	
15	Bản Nà Khi (HS THCS cụm Bản Mới)	ĐBKK		7,2	35,2	
16	Bản Mường Lạn	ĐBKK			28	
17	Bản Phiêng Pen	ĐBKK			31	
18	Bản Nà An	ĐBKK			33	
H. Các trường học trên địa bàn huyện Thuận Châu: Gồm 29 lượt xã, 628 lượt bản						
I	Xã Chiềng Bóm	III	Trường Tiểu học Chiềng Bóm	Trường THCS Chiềng Bóm	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Huổi Pu		9	9	10,5	
2	Bản Hua Ty B		18	18	20	
3	Bản Hua Ty A		22	22	25	

4	Bản Nà Tắm		4,2	10	14	
5	Bản Ít Cang		7	10	15	
6	Bản Tịm			7	13	
7	Bản Khem			8	14	
8	Bản Hón			7	13	
9	Bản Có Lúu				12	
10	Bản Pọng				11,5	
11	Bản Lét Trạng				10,5	
12	Bản Hỏm				11	
13	Bản Lái				10	
			Trường Tiểu học Co Mạ 2		Trường THPT Bình Thuận	
14	Bản Huổi Pu		4			
15	Bản Hón				20	
16	Bản Ít Cang				12	
17	Bản Khem				20	
18	Bản Nà Tắm				25	
					Trường THPT Co Mạ	
19	Bản Hua Ty A				28	
20	Bản Hua Ty B				33	
21	Bản Huổi Pu				38	
22	Bản Có Lúu				47	
23	Bản Hón				49	
24	Bản Ít Cang				55	

25	Bảng Khem						50		
26	Bản Nà Tắm						52		
27	Bản Khem						49		
28	Bản Tím						48		
II	Xã Bó Mười	III	Trường TH-THCS Bó Mười A	Trường TH-THCS Bó Mười A	Trường THCS Bó Mười A	Trường THPT Thuận Châu			
1	Bản Nà Sành		4,5	7	22				
2	Bản Nà Viêng		4	7,5	25				
3	Bản Lọng Cu		4	Trường THCS Mường Khiêng	22				
4	Bản Nà Sành			12,5					
5	Bản Lọng Cu			13					
6	Bản Bó				22				
7	Bản Tra				25				
8	Bản Nong Bon				24				
9	Bản Nà Ten				23				
10	Bản Mười				22				
11	Bản Phai Khon				23				
12	Bản Mẩn				26				
13	Bản Lót				25				
14	Bản Nà Hóc				24				
15	Bản Quỳnh Thuận				24				
16	Bản Phiêng Xe				19				69

1	Bản Huối Lán		14	10,3	26	
2	Bản Pù		4	7,9	20	
3	Bản Quây		5	7	25	
4	Bản Huối Sỏi		6	9	23	
5	Bản Nong Cạn		6,5	10	24	
6	Bản Sắng		4	7	25	
7	Bản Mện		4		23	
8	Bản Tam				21	
9	Bản Nà Cưa				22	
10	Bản Tọ Nưa				21	
11	Bản Lọng Bon				22	
12	Bản Pù Bâu				21	
13	Bản Chao Mùa				22	
					Trường THPT Bình Thuận	
14	Bản Pù				13	
15	Bản Sắng				18	
16	Bản Tam				15	
17	Bản Huối Lán				17	
18	Bản Mện				19	
19	Bản Pù Bâu				15	
20	Bản Chao Mùa				18	
21	Bản Huối Sỏi				16	

22	Bán Lọng Bon					17		
23	Bán Nà Cưa					19		
24	Bán Nong Cạn					20		
25	Bán Quây					15		
26	Bán Tợ Nưa					16		
						Trưởng THPT Tổng Lãnh		
27	Bán Chao Mùa					12		
28	Bán Huối Lán					19		
29	Bán Huối Sỏi					17		
30	Bán Lọng Bon					13		
31	Bán Mện					11		
32	Bán Nà Cưa					12		
33	Bán Nong Cạn					14		
34	Bán Pù					17		
35	Bán Pù Bâu					18		
36	Bán Quây					15		
37	Bán Sảng					16		
38	Bán Tam					19		
39	Bán Tợ Nưa					17		
				Trưởng TH-THCS Bô Mười A				
40	Bán Pù			7,5				
VI	Xá Long Hẹ	III		Trưởng TH-THCS Long Hẹ	Trưởng TH-THCS Long Hẹ	Trưởng THPT Thuận Châu		73

1	Bản Pú Chún		13	13	56		
2	Bản Pú Chấn (điểm bán cũ)		10	10	68		
3	Bản Pú Chấn (điểm bán mới)		4		62		
4	Bản Pá Uối		14	14	55		
5	Bản Há Tàu (Há Tàu)		12	12	54		
6	Bản Cha Mạy		15	15	53		
7	Bản Co Nhừ		17	17	51		
8	Bản Nông Cốc		25	25	65		
9	Bản Ta Khom		17	17	58		
10	Bản Nà Nôm		21	21	58		
11	Bản Cán Tỷ A		16	16	56		
12	Bản Cán Tỷ B		14	14	58		
13	Bản Pá Púa		17	17	59		
14	Bản Nậm Nhừ				56		
15	Bản Long Hẹ				57		
			Trường Tiểu học Co Mạ 1	Trường THCS Phổng Lập	Trường THPT Bình Thuận		
16	Bản Pá Uối		8				
17	Bản Pá Púa		15				
18	Bản Cán Tỷ A		15				
19	Bản Cán Tỷ B		15				
20	Bản Nông Cốc			30	40		
			Trường TH-THCS É Tông	Trường TH-THCS É Tông	Trường THPT Co Mạ		

6	Bản Co Tổng (cụm Pá Dúa)	4	Trưởng TH-THCS Long Hẹ	Trưởng TH-THCS Long Hẹ	55	
7	Bản Co Nhừ				65	
8	Bản Pá Cháo A				65	
9	Bản Thăm Xét	51	Trưởng TH-THCS Long Hẹ	51		
10	Bản Pá Hóc	20	Trưởng Tiểu học Co Mạ 1	Trưởng THCS Chiềng Lỵ	Trưởng THPT Bình Thuận	
11	Bản Pá Cháo	24		40	48	
12	Bản Há Khúa B	60	Trưởng Tiểu học Mường Bám 1	Trưởng PTDT bán trú THCS Co Mạ		
13	Bản Pá Hóc		Trưởng Tiểu học Co Mạ 1		Trưởng THPT Co Mạ	
14	Bản Co Cài	30		20	22	
15	Bản Co Tổng (cụm Pá Dúa)			43	25	
16	Bản Há Khúa			32	30	
17	Bản Pá Cháo B				38	
18	Bản Thăm Xét			32	34	
19	Bản Co Nhừ				42	
20	Bản Pá Cháo A			32	32	
VIII	Xã Co Mạ	III	Trưởng Tiểu học Co Mạ 1	Trưởng PTDT bán trú THCS Co Mạ	Trưởng THPT Thuận Châu	
1	Bản Chả Lạy A	4			45	

2	Bản Chả Lầy B			4	8	56	
3	Bản Co Nghè A			4		46	
4	Bản Co Nghè B			5		50	
5	Bản Láo Hả			4		41	
6	Bản Sênh Thàng			7	13	47	
7	Bản Tĩa Là			5	9	46	
8	Bản Pá Ấu			5	14	42	
9	Bản Xa Nhá A			6	15	46	
10	Bản Xa Nhá B			8	17	46	
11	Bản Hát Xiến			10	19	48	
12	Bản Huối Dên			4	9	48	
13	Bản Cửa Rừng			22	17	42	
14	Bản Nong Vai (Cửa Giò)			5	16	58	
15	Bản Po Mậu				10	47	
16	Bản Mớ				18	43	
17	Bản Pha Khuông					45	
18	Bản Co Mạ					43	
				Trưởng Tiểu học Co Mạ 2			
19	Bản Cát			4	20	45	
20	Bản Nong Vai (Cửa Giò)			4	16	58	
21	Bản Cửa rừng			4			
22	Bản Chả Lầy B			4			
							77

			Trường TH-THCS Long Hệ	Trường TH-THCS Long Hệ	Trường THPT Co Mạ	
23	Bản Co Nghè B		14	14	10	
24	Bản Cửa Rừng		29	29	20	
25	Nong Vai (Cửa Gió)		20	20	15	
				Trường THCS Chiềng Bôm		
26	Bản Cát			20	15	
27	Bản Chá Lay B				17	
28	Bản Hát Xiến				20	
29	Bản Huổi Dén				11	
30	Bản Pá Ấu				16	
31	Bản Tỉa Là				11	
32	Bản Sênh Thàng				18	
33	Bản Xa Nhá A				16	
34	Bản Xa Nhá B				19	
35	Bản Mớ				12	
36	Bản Po Mẩu				11	
IX	Xã Pá Lông	III	Trường TH-THCS Pá Lông	Trường TH-THCS Pá Lông	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Tình Lá		6		65	
2	Bản Pá Ný		8	8	60	
3	Bản Hua Dấu		8	8	55	
4	Bản Sáu Mè (Sáu Mè)		6		58	
5	Bản Tỉa Tầu		4		62	

[illegible]

6	Bản Huội Lanh		7	7	63	
7	Bản Nà Vạng		9	9	68	
8	Bản Nà Muông				62	
9	Bản Tở				62	
10	Bản Nong Lành				64	
11	Bản Nà Hém				62	
12	Bản Đông Cù				63	
13	Bản Xam Phổng				63	
XI	Xã Mường É	III	Trường Tiểu học Mường É	Trường THCS Mường É	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Huội Ái		8	8	26	
2	Bản Pá Khôm		12	12	32	
3	Bản Pá Ô		8	8	28	
4	Bản Nà Sàng		12	12	30	
5	Bản Nậm Nòng		14	14	29	
6	Bản Hát Lụ		16	16	35	
7	Bản Phạ Lụ		4		31	
8	Bản Há Tóc				26	
9	Bản Tum				25	
10	Bản Hịa				23	
11	Bản Tàn				24	
12	Bản Nà Lầu				26	
13	Bản Cả Vai				26	

[illegible]

35	Bản Nậm Nong					15			
36	Bản Pá Khôm					20			
37	Bản Pá Ó					13			
38	Bản Huổi Ái					15			
						Trường THPT Co Mạ			
39	Bản Hát Lẹ					25			
40	Bản Huổi Lanh					22			
41	Bản Nà Lanh					22			
42	Bản Nà Tông					24			
43	Bản Nà Vạng					28			
44	Bản Thẳm Ôn					24			
45	Bản Huổi Lương					23			
46	Bản Nong Lanh					18			
47	Bản Nà Muông					17			
48	Bản Đông Cù					18			
49	Bản Nà Hem					16			
50	Bản Xam Phổng					23			
51	Bản Tờ					17			
XII	Xã Phổng Lập	III	Trường Tiểu học Phổng Lập	Trường THCS Phổng Lập	Trường THPT Thuận Châu				
1	Bản Kéo Sáo		4,5			22			
2	Bản Nghiu		4			20			
3	Bản Muông Mố		6			23			

4	Bản Mẫu Thái		4		20	
5	Bản Ta Tú		8	7	19	
6	Bản Huối Ít		12	8	24	
7	Bản Pá Sàng		14	12	19	
8	Bản Láp				23	
9	Bản Nà Khoang				21	
10	Bản Lùa				18	
11	Bản Kẹ				21	
12	Bản Lèm				23	
13	Bản Mẫu Xá				21	
					Trường THPT Bình Thuận	
14	Bản Huối Ít				12	
15	Bản Kéo Sáo				15	
16	Bản Mẫu Thái				13	
17	Bản Muông Mớ				15	
18	Bản Nà Khoang				12	
19	Bản Nà Tắm				14	
20	Bản Nghiu				15	
21	Bản Pá Sàng				13	
22	Bản Ta Tú				10	
23	Bản Lèm				13	
24	Bản Kẹ				15	

25	Bản Lập					15	
26	Bản Mẫu Xá					13	
XIII	Xá Mường Bám	III	Trường Tiểu học Mường Bám 1	Trường THCS Mường Bám	Trường THPT Thuận Châu		
1	Bản Cẩm Cận		9	10	69		
2	Bản Pá Sàng		6		69		
3	Bản Pá Ban		6,3		64		
4	Bản Thẩm Đón		9	11	64		
5	Bản Nặm Ún		10	9	69		
6	Bản Bánh Ó		12	14	67		
7	Bản Tư Làng A		17	17	63		
8	Bản Tư Làng B		17	17	69		
9	Bản Hát Pang		18	16	65		
10	Bản Nà Tra		12		68		
11	Bản Nà Pa			7	65		
12	Bản Nà Hát				69		
13	Bản Nà La				65		
14	Bản Bôm Kham				62		
15	Bản Nà Làng				68		
16	Bản Lào				63		
17	Bản Pá Chóng				62		
18	Bản Nà Cầu				62		
19	Bản Phèn				62		

[illegible]

40	Bản Nà Pa					28	
41	Bản Nà Hát					22	
42	Bản Lào					20	
43	Bản Nà La					19	
44	Bản Nà Lang					23	
45	Bản Nà Cầu					22	
46	Bôm Kham					30	
47	Bản Phèn					25	
XIV	Xã Mường Kháng	III			Trường THCS Mường Kháng	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Bon				9	28	
2	Bản Cù				9,5	27	
3	Bản Hìn Lẹp				12,5	28	
4	Bản Hóc				9	26	
5	Bản Hua Sát				9,5	27	
6	Bản Huổi Pản				11,5	27	
7	Bản Lạn				11,5	28	
8	Bản Nhóc				7,5	30	
9	Bản Ổ				9,5	27	
10	Bản Sát				10,5	27	
11	Bản Sinh Lẹp				11,5	28	
12	Bản Thông				8,5	27	
13	Bản Thuận Ổn				9,5	27	

14	Bản Tận Pợ					27	
15	Bản Khiêng					26	
16	Bản Pục Tún					27	
17	Bản Phé Hăng					27	
18	Bản Nam					30	
19	Bản Han					27	
20	Bản Sào Và					28	
21	Bản Pông					27	
22	Bản Bó Phúc					30	
23	Bản Kềm					32	
24	Bản Lứa B					27	
25	Bản Lứa Hang					24	
26	Bản Nuống Há					27	
						Trưởng THPT Tổng Lãnh	
27	Bản Bó Phúc					20	
28	Bản Bon					21	
29	Bản Cù					22	
30	Bản Han					22	
31	Bản Hin Lẹp					23	
32	Bản Hóc					24	
33	Bản Hua Sát					25	
34	Bản Huối Păn					26	

35	Bản Kềm					27		
36	Bản Khiêng					28		
37	Bản Lạn					29		
38	Bản Lúa B					30		
39	Bản Lúa Hang					22		
40	Bản Nam					23		
41	Bản Nuông Há					24		
42	Bản Nhóc					25		
43	Bản Ổ					26		
44	Bản Pòng					22		
45	Bản Pục Tún					23		
46	Bản Phé Hàng					24		
47	Bản Sào Và					25		
48	Bản Sát					26		
49	Bản Sinh Lép					22		
50	Bản Tộn Pợ					23		
51	Bản Thông					24		
52	Bản Thuận Ôn					25		
XV	Xã Liệp Tè	III	Trường Tiểu học Liệp Tè	Trường THCS Liệp Tè	Trường THPT Thuận Châu			
1	Bản Tát		27	23	42			
2	Bản Chà Lào		20	18	41			
3	Bản Mòng Luông		15	13	40			

							CÔNG BÁO SƠN LA/Số 22/Ngày 30-10-2021			89
4	Bản Mòng Nọi			16		13	40			
5	Bản Ban Xa			10		11	45			
6	Bản Tát Ướt			9		8	39			
7	Bản Cang			8		8	39			
8	Bản Co Khết			10		10	39			
9	Bản Ta Ma			10		10	39			
10	Bản Kia			9		11	39			
11	Bản Bắc			25		24	41			
12	Bản Lụ					14	42			
13	Bản Co Sản					11	40			
14	Bản Co Phường						42			
15	Bản Hiền						40			
						Trường THCS Mường Khiêng	Trường THPT Tông Lạnh			
16	Bản Lụ					12	33			
17	Bản Co Sản					10	31			
18	Bản Ta Ma					9	37			
19	Bản Tát Ướt					9	39			
20	Bản Ban Xa					15	30			
21	Bản Mòng Luông					10	32			
22	Bản Bắc					11	31			
23	Bản Kia					9	34			
24	Bản Co Khết					9	36			

25	Bản Cang				9	31	
26	Bản Mòng Nội				10	36	
27	Bản Chà Lào				11	34	
28	Bản Tát				12	33	
29	Bản Co Phường					35	
30	Bản Hiên					30	
XVI	Xã Bản Lầm	III	Trưởng TH-THCS Bản Lầm	Trưởng TH-THCS Bản Lầm	Trưởng THPT Thuận Châu		
1	Bản Hua Lành		18	18	38		
2	Bản Pá Lầu		19	19	38		
3	Bản Pùa				35		
4	Bản Hiềm				36		
5	Bản Buống Khoang				35		
6	Bản Lầm				36		
					Trưởng THPT Tổng Lãnh		
7	Bản Lầm				20		
8	Bản Buống Khoang				30		
9	Bản Hiềm				19		
10	Bản Hua Lành				20		
11	Bản Pá Lầu				19		
12	Bản Pùa				23		
XVII	Xã Nậm Lầu	III	Trưởng Tiểu học Nậm Lầu	Trưởng THCS Nậm Lầu	Trưởng THPT Thuận Châu		
1	Bản Xanh			14	32		

				Trường TH-THCS Bản Lắm	Trường TH-THCS Bản Lắm	Trường THPT Tông Lạnh	
24	Bản Mỏ			8	8	29	
25	Bản Xanh			9	9	29	
26	Bản Pài			9	9	29	
27	Bản Nà Kẹ			12	12	24	
28	Bản Nong Ten			12	12	22	
29	Bản Ít Cường			11	11	29	
30	Bản Pá O (Pa O)			15	15	25	
31	Bản Ban					17	
32	Bản Biên					16	
33	Bản Huổi Kép					30	
34	Bản Huổi Xưa					18	
35	Bản Ít Mặn					25	
36	Bản Lọng Lầu					17	
37	Bản Nà Há					29	
38	Bản Nà Ít					28	
39	Bản Nà Nọi					23	
40	Bản Nậm Lậu					19	
41	Bản Nong					20	
42	Bản Phúc					22	
43	Bản Tăng					21	
44	Bản Thảm Phé					24	

45	Bản Tổng					25		
46	Bản Xa Hòn					30		
						Trường THPT Bình Thuận		
47	Bản Biên					30		
48	Bản Tổng					32		
XVIII	Xã Thôn Mòn	II				Trường THPT Thuận Châu		
1	Bản Chùn	ĐBKK				12		
						Trường THPT Tông Lạnh		
2	Bản Long Cại	ĐBKK						
3	Bản Phé	ĐBKK				10		
4	Bản Thống Nhất A	ĐBKK				10		
5	Bản Thống Nhất B	ĐBKK				10		
6	Bản Chùn	ĐBKK				10		
XIX	Xã Muối Nội					Trường THPT Thuận Châu		
1	Bản Sáng Sang					25		
2	Bản Thán Sàng					24		
3	Bản Muối Nội					25		
4	Bản Muối Nội A					18		
5	Bản Ngừng					24		
6	Bản Bó					26		
7	Bản Phiêng Bông					24		93

8	Bản Đông Hưng					10	
						Trường THPT Tông Lạnh	
9	Bản Sảng Sang					13	
10	Bản Thán Sàng					14	
11	Bản Muối Nội A					11	
12	Bản Muối Nội					10	
13	Bản Ngưỡng					15	
14	Bản Bó					11	
15	Bản Phiêng Bông					12	
16	Bản Đông Hưng					10	
XX	Xã Chiềng Pác	III				Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Máy					15	
2	Bản Lọng Mén					15	
3	Bản Dân Chủ					13	
4	Bản Chiềng Pác					13	
5	Bản Lĩnh Luông					15	
6	Bản Xi Măng					13	
XXI	Xã Phổng Láng	III				Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Nong Pồng					10	
2	Bản Huổi Luông					10	
						Trường THPT Bình Thuận	

3	Bản Nà Lọ				13		
4	Bản Huổi Luông				15		
XXII	Xã Chiềng Pha	III			Trưởng THPT Thuận Châu		
1	Bản Sai				10		
2	Bản Quỳnh Thuận				11		
3	Bản Huổi Tát				12		
4	Bản Nong Lào				12		
5	Bản Hán				12		
XXIII	Xã Noong Lay	III			Trưởng THPT Thuận Châu		
1	Bản Phiêng Phở				17		
2	Bản Noong Giảng				22		
3	Bản Huổi Lọng				18		
4	Bản Cửa Hàng				20		
5	Bản Quyết Thắng A				19		
6	Bản Noong Lay				22		
7	Bản Liên Minh				18		
8	Bản Cà Nàng				15		
9	Bản Bó Mạ				18		
10	Bản Quyết Thắng B				22		
11	Bản Búa Co Chạy				20		
					Trưởng THPT Tông Lạnh		
12	Bản Bó Mạ				10		

13	Bản Búa Co Chạy					11	
14	Bản Cửa Hàng					10	
15	Bản Huỗi Lọng					15	
16	Bản Nong Giảng					12	
17	Bản Nong Lay					10	
18	Bản Phiêng Phớ					13	
19	Bản Quyết Tháng A					10	
20	Bản Quyết Tháng B					10	
XXIV	Xã Tông Cọ	III				Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Bay A					20	
2	Bản Bay B					19,5	
3	Bản Bon					21	
4	Bản Nà Lạn					19	
5	Bản Lè					16	
6	Bản Thúm Cáy					18	
7	Bản Phé					17	
8	Bản Cọ					14	
9	Bản Sen To					13,5	
10	Bản Hình					13	
11	Bản Lào					13,5	
12	Bản Huỗi Táp					15	
						Trường THPT Tông Lạnh	

13	Bán Bay A					10		
14	Bán Bay B					10		
15	Bán Bon					10		
16	Bán Huối Táp					10		
XXV	Xã Chiềng La	III				Trường THPT Thuận Châu		
1	Bán Cát Lót					26		
2	Bán Song					28		
3	Bán Nưa					25		
4	Bán Chiềng La					23		
5	Bán Chiềng Cang					27		
6	Bán Lóm La					30		
7	Bán Nong Lanh					35		
						Trường THPT Bình Thuận		
8	Bán Cát Lót					13		
9	Bán Song					12		
10	Bán Nưa					21		
11	Bán Chiềng La					19		
12	Bán Chiềng Cang					17		
13	Bán Lóm La					17		
14	Bán Nong Lanh					12		
						Trường THPT Tổng Lãnh		
15	Bán Cát Lót					17		

16	Bản Song					14	
17	Bản Nưa					17	
18	Bản Chiềng La					12	
19	Bản Chiềng Cang					15	
20	Bản Lóm La					13	
21	Bản Nong Lanh					12	
XXVI	Xã Púng Tra	III				Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Láng Hạt					13	
2	Bản Phạ					12	
3	Bản Tra					10	
4	Bản Púng Ten					12	
5	Bản Púng Mé					12	
6	Bản Púng A					12	
						Trường THPT Bình Thuận	
7	Bản Púng A					20	
8	Bản Tra					20	
9	Bản Dòm					22	
10	Bản Nong Ồ					19	
11	Bản Phạ					22	
12	Bản Púng Mé					23	
13	Bản Láng Hạt					23	
14	Bản Púng Ten					25	

[illegible]

4	Bản Co Tòng		10	15	21	
5	Bản Huổi Tao		5	10	18	
6	Bản Ít Lót		14	14,5	23	
7	Bản Hua Tát		7	12	23	
8	Bản Nà Bon			7	18	
9	Bản Thón			8	17	
10	Bản Có			8	15	
11	Bản Nhạp			8	19	
12	Bản Cang			7	14	
13	Bản Tre			8	18	
14	Bản Tin Tát			8	19	
15	Bản Mó				11	
16	Bản Nà Tý				11	
17	Bản Ta Tạng				10	
18	Bản Huổi Cuồng				17	
19	Bản Chiềng Cang				13	
20	Bản Bó Lạ				16	
21	Bản Nà Hỳ				14	
22	Bản Cù				12	
23	Bản Bàng Lặc				13	
24	Bản Trung Châu				18	
25	Bản Hát Sết				16	
26	Bản Anh Dững				14	

49	Bản Huối Dắng						40		
50	Bản Co Tồng						37		
51	Bản Huối Tao						32		
52	Bản Thón						31		
53	Bản Có						30		
54	Bản Cang						29		
55	Bản Cù						28		
56	Bản Mỏ						27		
57	Bản Nà Tý						27		
58	Bản Ta Tạng						26		
59	Bản Tiên Cang						25,5		
60	Bản Hong Ngay						25		
61	Bản Chiềng Xóm						24,5		
62	Bản Đáu Mường						24		
63	Bản Huối So						23,5		

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com